

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

Số: 203/ĐHTN-PCTĐ

V/v yêu cầu cung cấp số liệu
cho việc xây dựng kế hoạch chiến lược
phát triển ĐHTN giai đoạn 2016 – 2020
và tầm nhìn đến 2030

Chuyên: Đ. Chính – Ban TV Đ. H.
- P. HCTC t/h. *Đ. H.*
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

- Các đại diện lập b/c cho P. HCTC trước ngày 28/12
Thái Nguyên, ngày 17 tháng 12 năm 2014 *2014.*

- P. AT *- TTCNT-TV*
- P. BTPV *- P. KH. CTS HCTC*
- P. KTSBCLGD-P.



Kính gửi: - Các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

- Các đơn vị trực thuộc.

Thực hiện Quyết định số 1850/QĐ-ĐHTN ngày 20 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc thành lập Ban chỉ đạo xây dựng kế hoạch trung hạn của Đại học Thái Nguyên, giai đoạn 2016 – 2020 và Quyết định số 2331/QĐ-ĐHTN ngày 28 tháng 11 năm 2014 về việc thành lập Tổ xây dựng kế hoạch phát triển Đại học Thái Nguyên, giai đoạn 2015 - 2020 và tầm nhìn đến 2025;

Để có số liệu phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển, Đại học Thái Nguyên đề nghị các cơ sở giáo dục đại học thành viên, các đơn vị trực thuộc cung cấp số liệu theo Phụ lục được gửi kèm theo Công văn này.

Báo cáo số liệu bằng văn bản gửi về Nhóm thư ký của Tổ xây dựng kế hoạch chiến lược theo địa chỉ: Nguyễn Hưng Thịnh – Phó Trưởng Ban Pháp chế và Thi đua, Email: hungthinh.dhtn@gmail.com.

Thời gian nộp số liệu: Trước ngày **30/12/2014**.

Đây là công việc hết sức quan trọng, đề nghị các cơ sở giáo dục đại học thành viên, các đơn vị trực thuộc khẩn trương thực hiện và báo cáo đúng thời hạn quy định. Trong quá trình xây dựng Kế hoạch, nếu cần các số liệu khác Đại học Thái Nguyên sẽ tiếp tục gửi yêu cầu đến các đơn vị./.

Nơi nhận: *[Signature]*

- Như trên;
- Ban Giám đốc ĐHTN;
- Lưu: VT, PCTĐ.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**
[Signature]
PGS.TS. Đặng Văn Minh

P. KH - CR & FETAT

BIỂU MẪU VỀ CÔNG TÁC HỢP TÁC QUỐC TẾ

Tên đơn vị:.....

HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ GIAI ĐOẠN 2015-2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN 2030

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030	Tài chính dự kiến đến 2020 (USD)		
											Tổng thu	Trong đó từ tài trợ	Chi
1	Đoàn ra	Lượt người											
2	Đoàn vào	Lượt người											
3	Hội thảo/ Tập huấn/ Hội nghị quốc tế	Hội thảo/Hội nghị											
4	Chương trình Liên kết đào tạo quốc tế	Chương trình											
		Số lượng SV											
5	Nhập khẩu Chương trình tiên tiến	Chương trình											
		Số lượng SV											
6	Chương trình hợp tác trong đào tạo	Chương trình											
		Số lượng SV											
		Số lượng GV											
7	Dự án xin tài trợ từ các tổ chức quốc tế	Dự án											
	Tổng kinh phí												

Ngày tháng năm 2014
Người lập biểu

P. KHTC

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐƠN VỊ:.....

DỰ TOÁN THU – CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Giai đoạn 2021 -2025	Giai đoạn 2026 -2030
A	TỔNG SỐ DỰ THU (I +II)								
I	THU TỪ PHÍ, LỆ PHÍ, KHÁC								
1	Thu phí, lệ phí								
1.1	Học phí chính quy								
1.2	Học phí không chính quy								
1.3	Thu lệ phí								
2	Thu hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ								
3	Thu Dự án, viện trợ								
4	Thu từ chuyển giao KHCN								
5	Thu khác								
II	KINH PHÍ NS NHÀ NƯỚC CẤP								
1	Chi thường xuyên								
1.1	Đào tạo Đại học, Cao đẳng								
1.2	Đào tạo sau đại học								
1.3	Bồi dưỡng đào tạo lại								
2	Nghiên cứu khoa học và CN								
2.1	Nghiên cứu khoa học								
2.2	Tăng cường NLNC								
2.3	Đầu tư các dự án trọng điểm								
3	Chương trình mục tiêu quốc gia								
3.1	Tăng cường CSVC trường SP, trường có Khoa SP								
3.2	Chương trình CXC, thiết bị								
3.3	Chương trình công nghệ thông tin								
3.4	Biên soạn Giáo trình								
4	Đầu tư phát triển (XD CB)								
4.1	Xây dựng cơ bản								
4.2	Xây dựng hạ tầng								
4.3	Đền bù, giải phóng mặt bằng								
B	TỔNG SỐ CHI (1+2+3+4+5+6)								
1	Chi hoạt động sản xuất, dịch vụ								
2	Chi thường xuyên từ nguồn NSNN								
2.1	Đào tạo Đại học, Cao đẳng								
2.2	Đào tạo sau đại học								
2.3	Bồi dưỡng đào tạo lại								

3	Chỉ nghiên cứu khoa học và CN								
3.1	Chỉ NCKH								
3.2	Chỉ thiết bị tăng cường NLNC								
3.3	Chỉ đầu tư các dự án trọng điểm								
4	Chỉ chương trình mục tiêu quốc gia								
4.1	Tăng cường CSVC trường SP								
4.2	Tăng cường CSVC trường SP, trường có Khoa SP								
4.3	Chương trình công nghệ thông tin								
4.4	Chỉ Giáo trình								
5	Chỉ đầu tư phát triển (XDCB)								
5.1	Xây dựng cơ bản								
5.2	Xây dựng hạ tầng								
5.3	Đền bù, giải phóng mặt bằng								
6	Chỉ khác								
	Tổng cộng								

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ và tên)

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2014
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ và tên đóng dấu)

P. DT

BIỂU MẪU VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO GIAI ĐOẠN 2015 - 2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN 2030

PHỤ LỤC 1. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO MỚI

(Trường Đại học.....)

1. Bậc Đại học

TT	Tên ngành/ Chuyên ngành	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Dự kiến 2025	Dự kiến 2030
1									
2									

2. Bậc Cao đẳng

TT	Tên ngành/ Chuyên ngành	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Dự kiến 2025	Dự kiến 2030
1									
2									

3. Bậc Trung học chuyên nghiệp

TT	Tên ngành/ Chuyên ngành	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Dự kiến 2025	Dự kiến 2030
1									
2									

4. Bậc đào tạo nghề

TT	Tên ngành/ Chuyên ngành	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Dự kiến 2025	Dự kiến 2030
1									
2									

Ghi chú: Các ngành dự kiến mở bám sát Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học, cao đẳng và THCN của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

PHỤ LỤC 2. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH MỞ NGÀNH MỚI ĐÀO TẠO CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO VÀ CHƯƠNG TRÌNH TIẾN TIỀN

(Trường Đại học.....)

1. Bậc Đại học

TT	Tên ngành/ Chuyên ngành	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Dự kiến 2025	Dự kiến 2030
1									
2									

2. Bậc Cao đẳng

TT	Tên ngành/ Chuyên ngành	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Dự kiến 2025	Dự kiến 2030
1									
2									

**BIỂU MẪU VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO GIAI ĐOẠN 2015 - 2020 VÀ
TẦM NHÌN ĐẾN 2030**

PHỤ LỤC 1. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO MỚI

(Trường Đại học.....)

1. Bậc Đại học

TT	Tên ngành/ Chuyên ngành	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Dự kiến 2025	Dự kiến 2030
1									
2									

2. Bậc Cao đẳng

TT	Tên ngành/ Chuyên ngành	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Dự kiến 2025	Dự kiến 2030
1									
2									

3. Bậc Trung học chuyên nghiệp

TT	Tên ngành/ Chuyên ngành	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Dự kiến 2025	Dự kiến 2030
1									
2									

4. Bậc đào tạo nghề

TT	Tên ngành/ Chuyên ngành	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Dự kiến 2025	Dự kiến 2030
1									
2									

Ghi chú: Các ngành dự kiến mở bám sát Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học, cao đẳng và THCN của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**PHỤ LỤC 2. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH MỞ NGÀNH MỚI ĐÀO TẠO
CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO VÀ CHƯƠNG TRÌNH TIẾN TIỀN**

(Trường Đại học.....)

1. Bậc Đại học

TT	Tên ngành/ Chuyên ngành	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Dự kiến 2025	Dự kiến 2030
1									
2									

2. Bậc Cao đẳng

TT	Tên ngành/ Chuyên ngành	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Dự kiến 2025	Dự kiến 2030
1									
2									

P. KT & DBCL th
P. DT pho' hoi th

**PHỤ LỤC 3. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH ĐĂNG KÝ KIỂM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO THEO TIÊU CHUẨN AVV HOẶC ABET**
(Trường Đại học.....)

1. Bậc Đại học

TT	Tên ngành/ Chuyên ngành	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Dự kiến 2025	Dự kiến 2030
1									
2									

2. Bậc Cao đẳng

TT	Tên ngành/ Chuyên ngành	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Dự kiến 2025	Dự kiến 2030
1									
2									

PHỤ LỤC 4. KẾ HOẠCH TUYỂN MỚI, HỆ CHÍNH QUY
(Trường Đại học.....) Đơn vị tính: Người

[illegible][illegible][illegible]

4. Bậc đào tạo nghề

TT	Ngành hoặc nhóm ngành	2015		2016		2017		2018		2019		2020		Dự kiến 2025		Dự kiến 2030	
		CQ	Không CQ	CQ	Không CQ	CQ	Không CQ	CQ	Không CQ	CQ	Không CQ	CQ	Không CQ	CQ	Không CQ	CQ	Không CQ
1																	

P. AT + TTCNTT-TV.

PHỤ LỤC 5. KẾT QUẢ BIÊN SOẠN GIÁO TRÌNH VÀ PHÁT TRIỂN HỌC LIỆU GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

Đơn vị tính: Đầu sách

TT	Loại học liệu	2010	2011	2012	2013	2014	2015	Tổng
1	Giáo trình tự biên soạn							
2	Giáo trình mua							
3	Sách tham khảo biên soạn							
4	Sách tham khảo mua							
5	Giáo trình được số hóa							
6	Bài giảng điện tử							
7	Sách biên dịch							
8	Tài liệu khác							

P.ĐT+ TTCNTT-TV

PHỤ LỤC 6. KẾ HOẠCH BIÊN SOẠN GIÁO TRÌNH VÀ PHÁT TRIỂN HỌC LIỆU

Đơn vị tính: Đầu sách

TT	Loại học liệu	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Dự kiến 2025	Dự kiến 2030	Tổng
1	Giáo trình tự biên soạn									
2	Giáo trình mua									
3	Sách tham khảo biên soạn									
4	Sách tham khảo mua									
5	Giáo trình được số hóa									
6	Bài giảng điện tử									
7	Sách biên dịch									
8	Tài liệu khác									

Người lập

**Thủ trưởng
(ký, đóng dấu)**

Kế hoạch chi tiết và nguồn kinh phí:

P. QTP ✓

Phụ lục 01

1. Về giải phóng mặt bằng

BẢNG 1. KẾ HOẠCH GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG GIAI ĐOẠN 2016 – 2020 VÀ ĐẾN 2030

Tên đơn vị:

STT	Thời gian	Số hộ dân cần di chuyển	Tổng diện tích cần giải phóng (m ²)	Kinh phí dự kiến						
				Đất ở (m ²)	Thành tiền (Triệu đồng)	Đất vườn (m ²)	Thành tiền (Triệu đồng)	Đất nông nghiệp (m ²)	Thành tiền (Triệu đồng)	TS tiền bồi thường (triệu đồng)
	A	1	2=3+5+7	3	4	5	6	7	8	9=4+6+8
1	Năm 2016									
2	Năm 2017									
3	Năm 2018									
4	Năm 2019									
5	Năm 2020									
6	Giai đoạn 2021 – 2025									
7	Giai đoạn 2026 - 2030									
	Tổng cộng									

P. QTP ✓

2. Về xây dựng cơ bản

Phụ lục 02

BẢNG 2. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG XÂY DỰNG CƠ BẢN GIAI ĐOẠN 2016 – 2020 VÀ ĐẾN 2030

Tên đơn vị:

STT	Nội dung	2016	2017	2018	2019	2020	Giai đoạn 2021 -2025	Giai đoạn 2026 -2030
1	Quy mô sinh viên (người)							
2	Hội trường, giảng đường xây thêm (m ²)							
3	Tổng diện tích Hội trường, giảng đường dự kiến đạt (theo năm) (m ²)							
4	Hội trường, giảng đường (theo quy định - (m ²)							
5	Thư viện (m ²)							
6	Phòng thí nghiệm, thực hành (m ²)							
7	Nhà thi đấu, văn hóa (m ²)							
8	Nhà làm việc (m ²)							
9	Công trình phụ trợ khác (nhà ăn, nhà xe - m ²)							
10	<i>Tổng diện tích khu học tập, nghiên cứu và làm việc cần xây thêm (m²)</i>							
11	Tổng diện tích khu học tập, nghiên cứu và làm việc dự kiến đạt theo năm							
12	Tổng diện tích khu học tập, nghiên cứu và làm việc theo quy định							
13	<i>Diện tích nhà ở xây thêm</i>							
14	Diện tích nhà dự kiến đạt (theo năm)							
15	Diện tích nhà ở (theo quy định)							
16	<i>Tổng diện tích xây thêm (m²) (10+13)</i>							
17	Nhu cầu kinh phí dự kiến (triệu đồng)							
18	<i>Tổng nhu cầu kinh phí dự kiến (triệu đồng)</i>							

P. QTPV

3. Về đầu tư trang thiết bị

Phụ lục 03

BẢNG 3. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRANG THIẾT BỊ NCKH VÀ PTCN GIAI ĐOẠN 2016-2020 VÀ ĐẾN 2030

Tên đơn vị:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Dự án đầu tư	Thời gian thực hiện	Tổng KP	Nhu cầu KP 2016 - 2020	Nhu cầu KP 2021 - 2030	Ghi chú
I	Dự án PTN trọng điểm					
1	Tên Dự án					
2						
II	Dự án tăng cường năng lực NCKH					
1	Tên Dự án ...					
2						
III	Tổng cộng (I + II)					

P. QTPV

4. Tổng hợp kinh phí đầu tư CSVC bằng các nguồn kinh phí của đơn vị giai đoạn 2010 - 2015

Phụ lục 04

BẢNG 4: TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐẦU TƯ CSVC BẰNG CÁC NGUỒN KINH PHÍ CỦA ĐƠN VỊ GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Giải phóng mặt bằng	Mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu	Sách, giáo trình, tài liệu thư viện	Đầu tư sửa chữa, xây dựng	Cộng	Ghi chú
1							
2							
	Tổng cộng						

P. DT

BIỂU MẪU VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC 2015 -2020, TẦM NHÌN 2030

Phụ lục 1a. KẾ HOẠCH MỞ CÁC CHUYÊN NGÀNH TIẾN SĨ

Đơn vị tính: Người

Đơn vị tính: Người

TT	Tên ngành	Năm ĐK mở ngành	Số khoá thạc sĩ đã ĐT	Số GS, PGS 2014	Số cán bộ khoa học dự kiến được công nhận chức danh GS, PGS								Số TS 2014	Số tiến sĩ dự kiến được bổ sung theo các chuyên ngành									Cơ sở giáo dục đại học
					2016	2017	2018	2019	2020	Dự kiến 2025	Dự kiến 2030	Σ		2016	2017	2018	2019	2020	Dự kiến 2025	Dự kiến 2030	Σ		
1		2015																				Trường Đại học...	
2		2016																					

Ghi chú:

* Các ngành dự kiến mở bám sát Thông tư số 04/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

Phụ lục 1b. KẾ HOẠCH MỞ CÁC CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ

Đơn vị tính: Người

TT	Chuyên ngành	Năm ĐK mở ngành	Số khoá đã đào tạo bậc ĐH	Số GV là TS năm 2014	Số tiến sĩ sẽ được bổ sung hàng năm							Σ	Cơ sở giáo dục đại học
					2016	2017	2018	2019	2020	Dự kiến 2025	Dự kiến 2030		
1		2015											Trường Đại học
2		2016											

Ghi chú:

* Các ngành dự kiến mở bám sát Thông tư số 04/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

150

Phụ lục 1c. KẾ HOẠCH MỞ CÁC CHUYÊN NGÀNH BÁC SĨ CHUYÊN KHOA II
(Trường Đại học Y Dược)

TT	Tên ngành	Năm ĐK mở ngành	Số khoá thạc sĩ đã ĐT	Số GS, PGS 2014	Số cán bộ khoa học dự kiến được công nhận chức danh GS, PGS								Số TS 2014	Số tiến sĩ dự kiến được bổ sung theo các chuyên ngành								Cơ sở giáo dục đại học
					2016	2017	2018	2019	2020	Dự kiến 2025	Dự kiến 2030	Σ		2016	2017	2018	2019	2020	Dự kiến 2025	Dự kiến 2030	Σ	
1		2015																				Trường Đại học Y Dược
2		2016																				

Phụ lục 1d. KẾ HOẠCH MỞ CÁC CHUYÊN NGÀNH BÁC SĨ CHUYÊN KHOA I
(Trường Đại học Y Dược)

TT	Chuyên ngành	Năm ĐK mở ngành	Số khoá đã ĐT bậc ĐH	Số GV là TS năm 2014	Số tiến sĩ sẽ được bổ sung hàng năm						Σ	Cơ sở giáo dục đại học
					2016	2017	2018	2019	2020	Dự kiến 2025	Dự kiến 2030	
1												Trường Đại học Y Dược
2												

Phụ lục 1e. KẾ HOẠCH MỞ CÁC CHUYÊN NGÀNH BÁC SĨ NỘI TRÚ BỆNH VIỆN
(Trường Đại học Y Dược)

TT	Chuyên ngành	Năm ĐK mở ngành	Số khoá đã ĐT bậc ĐH	Số GV là TS năm 2014	Số tiến sĩ sẽ được bổ sung hàng năm						Σ	Cơ sở giáo dục đại học
					2016	2017	2018	2019	2020	Dự kiến 2025	Dự kiến 2030	
1												Trường Đại học Y Dược
2												

P. DT

Phụ lục 2a. KẾ HOẠCH TUYỂN MỜI VÀ QUY MÔ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Đơn vị tính: Người

TT	Chuyên ngành Tiến sĩ	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Dự kiến 2025		Dự kiến 2030	
		TM	TN	TM	TN	TM	TN	TM	TN	TM	TN	TM	TN	TM	TN	TM	TN
1																	
2																	

Ghi chú: - TM: Tuyển mới; TN: Tốt nghiệp. *Tốt nghiệp khóa học sau 3 hoặc 4 năm.*
- Các chuyên ngành đăng ký mở ngành năm 2015 sẽ tuyển sinh vào năm 2016.

Phụ lục 2b. KẾ HOẠCH TUYỂN MỜI VÀ QUY MÔ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Đơn vị tính: Người

TT	Chuyên ngành Thạc sĩ	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Dự kiến 2025		Dự kiến 2030	
		TM	TN	TM	TN	TM	TN	TM	TN	TM	TN	TM	TN	TM	TN	TM	TN
1																	
2																	

Ghi chú: - TM: Tuyển mới; TN: Tốt nghiệp. *Tốt nghiệp khóa học sau 2 năm.*
- Các chuyên ngành đăng ký mở ngành năm 2015 sẽ tuyển sinh vào năm 2016.

K⁰

Phụ lục 2c. KẾ HOẠCH TUYỂN MỜI VÀ QUY MÔ ĐÀO TẠO BÁC SĨ CHUYÊN KHOA II

(Trường Đại học Y Dược)

Đơn vị tính: Người

TT	Chuyên ngành Bác sĩ Chuyên khoa II	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Dự kiến 2025		Dự kiến 2030	
		TM	TN	TM	TN	TM	TN	TM	TN	TM	TN	TM	TN	TM	TN	TM	TN
1																	
2																	

Ghi chú: - TM: Tuyển mới; TN: Tốt nghiệp. *Tốt nghiệp khóa học sau 3 năm.*

- Các chuyên ngành đăng ký mở ngành năm 2015 sẽ tuyển sinh vào năm 2016.

Phụ lục 2d. KẾ HOẠCH TUYỂN MỜI VÀ QUY MÔ ĐÀO TẠO BÁC SĨ CHUYÊN KHOA I

(Trường Đại học Y Dược)

Đơn vị tính: Người

TT	Chuyên ngành Bác sĩ Chuyên khoa I	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Dự kiến 2025		Dự kiến 2030	
		TM	TN	TM	TN	TM	TN	TM	TN	TM	TN	TM	TN	TM	TN	TM	TN
1																	
2																	

Ghi chú: - TM: Tuyển mới; TN: Tốt nghiệp; QM: Quy mô đào tạo. *Tốt nghiệp khóa học sau 2 năm.*

- Các chuyên ngành đăng ký mở ngành năm 2015 sẽ tuyển sinh vào năm 2016.

K^o

Phụ lục 2e. KẾ HOẠCH TUYỂN MỚI VÀ QUY MÔ ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ BỆNH VIỆN

(Trường Đại học Y Dược). Đơn vị: Người

TT	Chuyên ngành Bác sĩ nội trú bệnh viện	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Dự kiến 2025		Dự kiến 2030	
		TM	TN	TM	TN	TM	TN	TM	TN	TM	TN	TM	TN	TM	TN	TM	TN
1																	
2																	

Ghi chú: - TM: Tuyển mới; TN: Tốt nghiệp; QM: Quy mô đào tạo. *Tốt nghiệp khóa học sau 3 năm.*

- Các chuyên ngành đăng ký mở ngành năm 2015 sẽ tuyển sinh vào năm 2016.

Phụ lục 3. KẾ HOẠCH BIÊN SOẠN GIÁO TRÌNH VÀ PHÁT TRIỂN HỌC LIỆU

P.ĐT + TTCMTV

Đơn vị: Đầu sách

TT	Loại học liệu	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Dự kiến	Dự kiến	Tổng
1	Giáo trình tự biên soạn									
2	Giáo trình mua									
3	Sách tham khảo biên soạn									
4	Sách tham khảo mua									
5	Giáo trình được số hóa									
6	Bài giảng điện tử									
7	Sách biên dịch									
8	Tài liệu khác									

Người lập

Thủ trưởng
(ký, đóng dấu)

BIỂU MẪU VỀ CÔNG TÁC KHẢO THÍ

A. THỐNG KÊ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐẾN THÁNG 12/2014

BẢNG 1: Thống kê chuẩn đầu ra đã được xây dựng, rà soát lại theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội

Chương trình đào tạo					
Cao đẳng, Trung cấp		Đại học		Sau đại học	
Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%

BẢNG 2: Các môn học, học phần được giảng dạy và các môn học có ngân hàng đề

Trình độ Tiến sĩ		Trình độ Thạc sĩ		Trình độ đại học trở xuống	
Tổng số môn/học phần	Số môn/học phần có ngân hàng đề	Tổng số môn/học phần	Số môn/học phần có ngân hàng đề	Tổng số môn/học phần	Số môn/học phần có ngân hàng đề

BẢNG 3: Bảng thống kê số lượng ngân hàng đề thi

Tổng số môn học/học phần	Hình thức thi				Số môn học/học phần chưa có ngân hàng đề thi
	Tự luận	Trắc nghiệm	Vấn đáp	Thi khác (bài tập lớn)	

B. KẾ HOẠCH DỰ KIẾN ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN 2030

BẢNG 4: Đánh giá chương trình đào tạo, đầu ra

TT	Hình thức	Số lượng chương trình theo các năm						Dự kiến 2025	Dự kiến 2030
		2015	2016	2017	2018	2019	2020		
1	Đánh giá chương trình đào tạo theo Bộ tiêu chuẩn của ĐHTN								
2	Đánh giá CTĐT theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chương trình đào tạo của Bộ GD&ĐT								
3	Đánh giá chương trình đào tạo theo Bộ tiêu chuẩn của Hiệp hội các trường Đại học Đông Nam Á (AUN)								
4	Đánh giá đầu ra (hiện trạng sinh viên tốt nghiệp)								

BẢNG 5: Đánh giá cơ sở giáo dục đại học

TT	Tên cơ sở giáo dục	Thời gian hoàn thành tự đánh giá	Thời gian đánh giá ngoài	Tên tổ chức đánh giá	Ghi chú

BẢNG 6: Kế hoạch và lộ trình xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm khách quan

TT	Tên Khoa	Mã môn	Tên môn/học phần	Hình thức thi TN	Số lượng câu hỏi hiện có	Kế hoạch bổ sung số lượng ngân hàng câu hỏi						Dự kiến 2025	Dự kiến 2030
						Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		

Người lập

**Thủ trưởng
(ký, đóng dấu)**